

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt một số chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 194/TTr-STC ngày 09/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt một số chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
A. Kế hoạch sản xuất kinh doanh					
1. Trồng rừng sản xuất (ha)	264	275	285	296	307
- Rừng Nguyên liệu giấy	226	218	233	205	207
- Rừng Gỗ lớn	38	57	52	91	100
2. Quản lý bảo vệ rừng sản xuất (ha)	2.460	2.420	2.380	2.340	2.300
3. Sản xuất cây con các loại (tr.cây)					
- Sản lượng sản xuất	5,2	5,4	5,6	5,8	6,0
- Sản lượng tiêu thụ	4,1	4,3	4,5	4,6	4,8
4. Khai thác gỗ rừng trồng					

- Diện tích khai thác (ha)	264	275	285	296	307
- Sản lượng khai thác (tấn)	25.000	26.000	27.000	28.000	29.000
B. Kế hoạch đầu tư XDCB (tr.đ)					
1. Mở rộng Nhà nuôi cấy mô (150 m ²)		1.500			
2. Xây dựng và nâng cấp Vườn sản xuất cây giống	1.000	1.000			
3. Dự án trồng rừng gỗ lớn	2.719	4.079	3.721	6.512	7.156
<i>Trong đó: vốn vay</i>	796	1.194	1.089	1.906	2.094
4. Xưởng chế biến Gỗ lớn	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000
5. Xây dựng, cải tạo Hội trường	2.000				
C. Kế hoạch tài chính					
1. Tổng doanh thu (tr.đ)	41.100	43.400	44.700	46.100	47.400
2. Lợi nhuận (tr.đ)	7.000	7.200	7.400	7.600	7.800
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN (tr.đ)	5.700	5.860	6.020	6.180	6.340
4. Vốn chủ sở hữu bình quân (tr.đ)	41.246	42.968	44.738	46.556	48.422
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân (%)	13,82%	13,64%	13,46%	13,27%	13,09%

Điều 2. Giao Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K3, K13.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng